

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11-ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 37/2026/HS-ST

Ngày 29-5-2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Trương Ngọc Thu

+ Võ Nam Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt Sương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Trần Công Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026 tại 02 điểm cầu: Điểm cầu trung tâm tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đà Nẵng và điểm cầu thành phần tại Phân trại tạm giam khu vực Đ thuộc Trại tạm giam số 02 Công an thành phố Đ, Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2026/TLST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1001/2026/QĐ-TA ngày 13 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Văn Quý T**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 05/6/1992, xã Đ, thành phố Đà Nẵng; Thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn D, xã Đ, thành phố Đà Nẵng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 9/12; Cha: Văn Quý T1, sinh năm: 1973; mẹ: Nguyễn Thị T2, sinh năm 1969; Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 2 chị em; Vợ: Phạm Thị Mỹ C (SN:1990) đã ly hôn, bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm: 2011, con nhỏ sinh năm 2016;

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Tại bản án số 12/ST ngày 10/3/2009 Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc tuyên phạt 10 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 20 tháng về tội "*Trộm cắp tài sản*" khoản 1 Điều 138 BLHS 1999.

Bị cáo đang bị tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 01/11/2025 đến nay tại phân trại tạm giam khu vực Đ, thành phố Đà Nẵng.

Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Văn Hữu T3, sinh năm 1991, có mặt

Địa chỉ: thôn D, xã Đ, thành phố Đà Nẵng.

+ Lê Trương Hoàng K, sinh năm 1996, có mặt

Địa chỉ: thôn T, xã V, thành phố Đà Nẵng.

- **Người tham gia tố tụng khác:**

+ Đ/c Huỳnh Hữu T4 – Cán bộ công nghệ thông tin Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đà Nẵng – Tại điểm cầu Trung tâm.

Điểm cầu thành phần tại Phân trại tạm giam khu vực Đ:

+ Đ/c Trần Thêm T5 – Trung tá

+ Đ/c Võ Hoàng N và Nguyễn Ngọc T6 – Chiến sĩ nghĩa vụ

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 23/10/2025, Văn Q Tẩn từ nhà đi bộ đến quán C2 (địa chỉ thôn A, xã Đ, thành phố Đà Nẵng) uống cà phê. Trong lúc T đang ngồi một mình thì có người thanh niên (không rõ nhân thân lai lịch) hỏi T "*muốn sử dụng K1 cho biết không*" nghĩa là có sử dụng ma túy Ketamine không thì T trả lời "*có thì bán cho dùng thử*". Người này bán cho T một gói ma túy Ketamine với giá là 1.300.000 đồng (*một triệu ba trăm nghìn đồng*). Sau khi mua được gói ma túy, T đem về cất giấu trong lỗ gạch góc hàng rào bên trái nhà T.

Đến tối ngày 31/10/2025, Văn Quý T, Văn Hữu T3 (sinh ngày: 06/01/1991) và Văn Quý C1 (sinh năm 1972 là chú họ của T) cùng trú thôn D, xã Đ, thành phố Đà Nẵng nhập tại nhà T. Đến khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày thì trời mưa, T sợ ướt gói ma túy nên đi ra lấy gói ma túy cất giấu trong túi quần Tẩn đang mặc. Sau khi nhập xong, T nói T3 chở T đến chỗ đỗ xe ô tô tải BKS 43-00394 (*Xe này T được Công Ty TNHH V tại Thành phố Đà Nẵng thuê lái chở hàng cho Công ty*) tại đoạn đường thôn N, xã Đ để lấy bình nhót trên xe tải về sửa xe đạp điện cho con. Nghe vậy, T3 sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Liberty màu đen BKS: 92E1-540.77 chở Tẩn đến nơi đậu xe ô tô tải. Lúc này, khoảng 20 giờ 45 phút cùng ngày T sử dụng điện thoại Iphone số 0969.016.053 gọi vào số 0967.735.307 cho Lê Trương Hoàng K (*SN:07/05/1996 trú: thôn T, xã V, Thành phố Đà Nẵng*) nói "*Xíu lên chỗ xe chơi*". Sau khi gọi điện cho K, T nói với T3 "*Lên làm tí cho vui bạn*" thì T3 đồng ý. Khi vào ca bin xe tải, T mở nhạc và lấy trong túi quần gói ma túy Ketamine được bọc bên ngoài tờ tiền 5000 đồng để trên táp lô xe tải rồi dùng móng tay phải móc một ít đưa lên mũi hít, T3 cũng dùng hai ngón tay bốc một ít ma túy Ketamine cho vào miệng nuốt.

Khoảng 10 phút sau, K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade màu trắng, BKS:92E1- 616.02 đến. Kiềm vào trong Cabin xe tải ngồi chỗ ghế phụ xe thì T nói "*Chơi đi em*" K dùng móng tay móc một ít ma túy trên tờ tiền giấy đưa lên mũi hít. Trong lúc K, T và T3 đang sử dụng ma túy thì bị lực lượng Công an xã Đ phát hiện bắt quả tang.

- Tại Bản kết luận giám định số 1266/KL-KTHS ngày 10/11/2025 của Phòng K2 Công an tại thành phố Đà Nẵng kết luận: mẫu chất rắn màu trắng gửi giám định kí hiệu A1 là ma túy, loại Ketamine, khối lượng mẫu A1 là 0.017 gam.

- Tại bản kết luận giám định số 1265/KL-KTHS ngày 10/11/2025 của Phòng K2 tại thành phố Đà Nẵng kết luận: Tìm thấy chất N1 là sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy Ketamine trong mẫu nước tiểu của Văn Quý T (ký hiệu S1 gửi giám định);

- Tại bản kết luận giám định số 1262/KL-KTHS ngày 10/11/2025 của Phòng K2 tại thành phố Đà Nẵng kết luận: Tìm thấy chất ma túy MDMA và N1 là sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy Ketamine trong mẫu nước tiểu của Văn Hữu T3, (ký hiệu S2 gửi giám định);

- Tại bản kết luận giám định số 1278/KL-KTHS ngày 10/11/2025 của Phòng K2 tại thành phố Đà Nẵng kết luận: Tìm thấy chất N1 là sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy Ketamine trong mẫu nước tiểu của Lê Trương Hoàng K, (ký hiệu S3 gửi giám định).

Cáo trạng số 12/CT-VKSKV11-HS ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đà Nẵng truy tố bị cáo Văn Quý T về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đà Nẵng giữ nguyên quan điểm như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) xử phạt:

Bị cáo Văn Quý T từ 07 đến 08 năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Xét bị cáo làm nghề lái xe thuê, thu nhập không ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có tài sản riêng nên đề nghị không áp dụng khoản 5 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) để phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Văn Quý T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Văn Quý T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Ngày 23/10/2025, Văn Q Tần mua một gói ma túy Ketamine với giá là 1.300.000 đồng đem về cất giấu. Đến 20 giờ 45 phút ngày 31/10/2025, T rủ Văn Quý T7 và Lê Trương Hoàng K đến xe ô tô tải 43H - 003.94 đang đỗ tại đoạn đường thôn N, xã Đ sử dụng ma túy thì bị Công an xã Đ bắt quả tang.

Hành vi của bị cáo Văn Quý T đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[3] Xét tính chất vụ án: hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng và chế độ quản lý độc quyền chất ma túy của Nhà nước. Ma túy là một loại độc dược không những hủy hoại sức khỏe của người sử dụng, mà còn gây tác hại nhiều mặt trong đời sống xã hội và là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm. Bị cáo là người đã trưởng thành, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, song vì lối sống buông thả, thỏa mãn nhu cầu của bản thân và ý thức chấp hành pháp luật kém nên bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó, cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục và ngăn ngừa tội phạm.

3.1. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: bị cáo cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo Văn Quý T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có người có công cách mạng, bị cáo từng tham dân quân tự vệ nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

3.2. Xét bị cáo làm nghề lái xe thuê, thu nhập không ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có tài sản riêng nên không áp dụng khoản 5 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) để phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xét thấy các vật chứng theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Vấn đề liên quan trong vụ án:

- Đối với người đàn ông bán ma túy cho T tại quán C2 xã Đ, thành phố Đà Nẵng (theo lời khai của T) qua điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch. Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ không có cơ sở để xử lý.

- Đối với 01 xe ô tô tải nhãn hiệu HOWO, BKS 43H-003.94 (của bà Nguyễn Thị Tuyết L SN: 1999, trú thôn L, xã H, thành phố Đà Nẵng) giao xe

cho Tần quản lý sử dụng chở hàng, bà L không biết T sử dụng xe ô tô làm nơi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên không xử lý và Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ ra quyết định trả lại xe ô tô lại cho bà L là có căn cứ pháp luật.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, màu trắng, BKS: 92E1-616.02 của Lê Trương Hoàng K và 01 xe mô tô nhãn hiệu Liberty, màu đen, BKS 92E1-540.77 của Văn Hữu T3 là phương tiện đi lại không liên quan đến hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của Tần nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ ra Quyết định trả lại cho chủ sở hữu là có căn cứ pháp luật.

- Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của T3 và K, qua xác minh không thuộc trường hợp quy định tại Điều 256a BLHS. Do vậy Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ chuyển cho cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành là có căn cứ pháp luật.

[6] Tại phiên toà Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đà Nẵng về Điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo cũng như về xử lý vật chứng là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

1. Tuyên bố: Bị cáo Văn Quý T phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

2. Xử phạt: Văn Quý T 07 (B) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 01 tháng 11 năm 2025.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 tờ tiền mệnh giá: 5.000 đồng (*Năm nghìn đồng*), bên trên tờ tiền có chứa chất rắn, dạng bột, màu trắng (*bỏ trong túi ni lông không màu có khóa bấm*) niêm phong ký hiệu A1. Sau khi giám định mẫu chất rắn màu trắng ký hiệu A1 đã sử dụng hết trong quá trình giám định; các đối tượng hoàn trả được niêm phong mã số 2149799 đóng dấu Phòng K2 Công an thành phố Đ.

+ 01 chai nhựa trong suốt loại 500 ml bên trong nước tiểu của bị cáo Văn Quý T đã niêm phong ký hiệu S1. Sau khi giám định hoàn trả 01 túi niêm phong mã số NS2 24063883 đựng toàn bộ bao gói mẫu.

+ 01 chai nhựa trong suốt loại 500 ml bên trong nước tiểu của Văn Hữu T3 đã niêm phong ký hiệu S2. Sau khi giám định hoàn trả 01 bao gói mẫu niêm phong mã số NS2 24063884;

+ 01 chai nhựa trong suốt loại 500 ml bên trong nước tiểu của Lê Trương Hoàng K đã niêm phong ký hiệu S3. Sau khi giám định hoàn trả 01 túi niêm phong bằng ni lông bên trong toàn bộ vỏ bao gói mẫu nước tiểu mã số NS2 24063886;

+ 01 thẻ sim số 0969.016. 053

- Tịch thu sung công:

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, đã qua sử dụng của Văn Quý T (*Văn Quý Tản giao nộp niêm phong trong bì giấy màu trắng đóng dấu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ*);

- Tuyên trả:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno màu cam gắn thẻ sim số 0967.735.307 đã qua sử dụng cho Lê Trương Hoàng K (*Lê Trương Hoàng K giao nộp đã niêm phong trong bì giấy màu trắng đóng dấu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ*);

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh gắn sim số 0934.884893, đã qua sử dụng cho Văn Hữu T3 (*Văn Hữu T3 giao nộp đã niêm phong trong bì giấy màu trắng đóng dấu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ*);

Vật chứng của vụ án đã được bàn giao sang Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11, thành phố Đà Nẵng theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 19 tháng 4 năm 2026 giữa Cơ quan CSĐT (CP10) Công an thành phố Đ và Phòng Thi hành án dân sự khu vực A, thành phố Đà Nẵng.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 21; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo, buộc bị cáo Văn Quý T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/5/2026).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 11-ĐN;
- CQ CSĐT CA Thành phố Đà Nẵng;
- Phân trại tạm giam Đại Lộc;
- Trại TG số 02 Công an thành phố Đà Nẵng;
- Phòng THA Dân sự khu vực 11, TPĐN;
- Bị cáo, người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hùng